

Bản án số: 123/2020/HS-ST

Ngày 30/11/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Châm và ông Vương Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 127/2020/TLST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST- HS ngày 19/11/2020, đối với bị cáo:

Bùi Văn B; Sinh ngày 25/6/1991 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Bùi Thị M (sinh năm 1960); vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

- Ngày 15/4/2016 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.000.000 đồng (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/11/2016);

- Ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 850.000 đồng, thực hiện hành vi phạm tội ngày 12/01/2018);

- Ngày 17/10/2018 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.720.000 đồng (thực

hiện hành vi phạm tội ngày 11/6/2018). Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 23/2018/HSST ngày 23/5/2018, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 01 năm tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2019);

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 18/12/2009 UBND tỉnh Tuyên Quang ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục với thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (chấp hành xong tháng 11/2011);

- Ngày 25/8/2014 Hạt Kiểm lâm huyện C, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép bằng hình thức phạt tiền (3.000.000 đồng, đã nộp phạt ngày 04/9/014);

- Ngày 29/12/2015, Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền (1.500.000đồng - đã nộp phạt ngày 30/12/2015);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Bị hại: Anh Tạ Xuân C; sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn Đ; sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Bà Bùi Thị M; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2020, Bùi Văn B đi qua gara sửa chữa xe ô tô Thiên Thanh của anh Tạ Xuân C ở tổ 6, phường T, thành phố T. B nhìn thấy có nhiều bình ắc quy dùng cho xe ô tô để ở gara nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Từ ngày 26 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020, một mình B đã thực hiện 03 lần trộm cắp bình ắc quy tại ga ra sửa chữa ô tô của anh Tạ Xuân C như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 25/7/2020, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 22F1-167.67, đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Văn B đi từ nhà đến thành phố Tuyên Quang với mục đích trộm cắp bình ắc quy ở xưởng sửa chữa xe ô tô của anh Tạ Xuân C. Đến khoảng 2 giờ ngày 26/7/2020 B đến gần gara sửa chữa xe ô tô của anh C, B để xe mô tô ở

bụi tre (cách gara sửa chữa ô tô khoảng 30 mét). B đi bộ đến gara, thấy cửa gara không khóa, bên trong gara và phía trước cửa đèn sáng nhưng không có người trông coi, phía bên phải gara (nhìn từ ngoài vào) có khoảng hơn 10 chiếc bình ắc quy ô tô đã cũ xếp chồng lên nhau. B đi vào trộm cắp 06 chiếc bình ắc quy mang ra chỗ để xe mô tô, B dùng dây cao su (do B đã chuẩn bị trước) buộc 06 chiếc bình ắc quy lên xe mô tô rồi mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Văn Đ ở thôn B, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang bán cho anh Đ được số tiền 2.700.000 đồng, B đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2020 một mình B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22F1-167.67 đi từ nhà đến thành phố Tuyên Quang với mục đích trộm cắp bình ắc quy ở xưởng sửa chữa xe ô tô của anh Tạ Xuân C. Đến khoảng 3 giờ ngày 28/7/2020 B đến ga ra sửa xe ô tô của anh C, quan sát thấy không có người trông coi, B đi vào trộm cắp 04 chiếc bình ắc quy cũ rồi mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Văn Đ bán cho anh Đ được số tiền 1.600.000 đồng, B đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ ba: Khoảng 3 giờ ngày 31/7/2020 một mình B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22F1-167.67 đi từ nhà đến thành phố T với mục đích đến ga ra sửa xe ô tô của anh C để trộm cắp bình ắc quy cũ, đến nơi B đã trộm cắp 02 chiếc bình ắc quy cũ rồi mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Văn Đ bán cho anh Đ được số tiền 1.100.000 đồng, B đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 67/ KLDG ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: 12 chiếc bình ắc quy đã qua sử dụng có giá trị là 6.760.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKSTP ngày 18 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/8/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 22F1-167.67, xe cũ đã qua sử dụng và 01

giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 001897 mang tên Bùi Văn B, biển kiểm soát 22F1-167.67 do Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/9/2015.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn B do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 19/7/2019; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn B do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/10/2019; 01 điện thoại di động màu xanh dương, nhãn hiệu OPPO, máy cũ đã qua sử dụng; 01 mỗ lét bằng sắt màu trắng sáng dài 15 cm, rộng 04 cm, mỗ lét cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cao su màu đen dài 360 cm x 1,7 cm.

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn B phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại nhất trí với Luận tội; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà M) đề nghị HĐXX xem xét cho bà xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 22F1-167.67.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nhận nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là do không có tiền chi tiêu cho bản thân nên khi bị cáo đi qua xưởng sửa chữa xe ô tô của anh Tạ Xuân C bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, đến ngày 26/7/2020, một mình bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 22F1-167.67 từ nhà đến thành phố Tuyên Quang trộm cắp 06 chiếc bình ắc quy của anh C; ngày 27/7/2020 và ngày 31/7/2020, một mình bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 22F1-167.67 từ nhà đến thành phố Tuyên

Quang để thực hiện 02 lần trộm cắp 06 chiếc bình ắc quy của anh C; tổng cộng tài sản bị cáo trộm cắp là 12 chiếc bình ắc quy; bị cáo khẳng định bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Kết luận định giá tài sản xác định giá trị của 12 chiếc bình ắc quy cũ có giá trị 6.760.000 đồng là khách quan, chính xác. Bản thân bị cáo đã 03 lần bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xét xử vào các ngày 15/4/2016, 23/5/2018 và ngày 17/10/2018 cùng về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành hình phạt tù xong vào ngày 03/7/2019. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Văn B về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; mẹ đẻ bị cáo (bà Bùi Thị M) đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Bị cáo đã 03 lần bị xét xử, thể hiện tại các bản án số 13/2016/HSST ngày 15/4/2016 (tài sản chiếm đoạt trị giá 2.000.000 đồng), bản án số 23/2018/HSST ngày 23/5/2018 (tài sản chiếm đoạt trị giá 850.000 đồng) và bản án số 53/2018/HSST ngày 17/10/2018 (tài sản chiếm đoạt trị giá 4.720.000 đồng) cùng về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/7/2019, đến ngày 26/7/2020 bị cáo tiếp tục phạm tội. Tại bản án số 53/2018/HSST ngày 17/10/2018 đã xác định bị cáo tái phạm. Như vậy, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung hình phạt nên HĐXX không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong vụ án này, một mình bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tổng số 12 chiếc bình ắc quy của anh Tạ Xuân C, song mỗi lần bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo không xác định được từng loại, nhãn hiệu bình ắc quy; khi bán cho anh Phạm Văn Đ, anh Đ cũng không xác định được nhãn hiệu, loại bình ắc quy; quá trình điều tra cũng không chứng M được mỗi lần bị cáo trộm cắp được những bình ắc quy nhãn hiệu nào, vì vậy không có căn cứ để xác định giá trị tài sản từng lần bị cáo chiếm đoạt để xem xét có phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên hay không. Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, cần áp dụng hình

phạm tù tương xứng với hành vi, tính chất phạm tội và nhân thân của bị cáo để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa anh Tạ Xuân C xác nhận đã nhận lại tài sản là 12 chiếc bình ắc quy, anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh khoản tiền nào khác.

Anh Phạm Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.400.000 đồng; ngày 04/11/2020 mẹ đẻ bị cáo là bà Bùi Thị M đã bồi thường cho anh Đ số tiền 3.000.000 đồng, anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền còn thiếu.

Bà Bùi Thị M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng (là khoản tiền bà đã tự nguyện bồi thường cho anh Đ).

Do không ai có yêu cầu về bồi thường dân sự đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 22F1-167.67, xe cũ đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 001897 mang tên Bùi Văn B, biển kiểm soát 22F1-167.67 do Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/9/2015. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị M (mẹ đẻ của bị cáo) đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho bà chiếc xe mô tô này vì nguồn gốc chiếc xe này là do bà bỏ tiền ra mua, do bà không có giấy phép lái xe mô tô và bà cũng không biết đi xe mô tô nên bà cho bị cáo đứng tên để sử dụng. Tuy nhiên, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Chiếc xe mô tô trên đăng ký quyền sở hữu đứng tên bị cáo B, hàng ngày bị cáo B là người sử dụng, trong các ngày 25/7/2020, 27/7/2020 và 31/7/2020 bị cáo đã cố ý sử dụng chiếc xe mô tô này để làm phương tiện vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước và tịch thu giấy chứng nhận xe mô tô kèm theo xe mô tô.

Ngoài ra còn thu giữ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn B do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 19/7/2019; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn B do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/10/2019; 01 điện thoại di động màu xanh dương, nhãn hiệu OPPO, máy cũ đã qua sử dụng và 01 mảnh bằng sắt màu trắng sáng dài 15 cm, rộng 04 cm, mảnh cũ đã qua sử dụng. Các giấy tờ, tài sản này không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Thu giữ 01 đoạn dây cao su màu đen dài 360 cm x 1,7 cm. Đây là đồ vật bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/8/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 22F1-167.67, xe cũ đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 001897 mang tên Bùi Văn B, biển kiểm soát 22F1-167.67 do Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/9/2015.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn B do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 19/7/2019; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn B do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/10/2019; 01 điện thoại di động màu xanh dương, nhãn hiệu OPPO, máy cũ đã qua sử dụng; 01 mỗ lết bằng sắt màu trắng sáng dài 15 cm, rộng 04 cm, mỗ lết cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cao su màu đen dài 360 cm x 1,7 cm.

(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 25/11/2020).

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn B phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà M) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đ) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

